

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST

Ngày: 10-8-2017

V/v: “T/c hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đông Quang

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2015/TLST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2015 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N(sau đây được viết tắt là: Ngân hàng N)

Địa chỉ: phường L, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T – Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh thị xã P, Bình Phước (Theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình K – sinh năm 1978 – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh thị xã P, Bình Phước (Theo giấy ủy quyền ngày 02/6/2016 của Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh thị xã P, Bình Phước). Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T – Sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- NCQLNVLQ 1, sinh năm 1969 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 2, sinh năm 1972 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 3, sinh năm 1991 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 4, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố Z, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- NCQLNVLQ 5, sinh năm 1977 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 6, sinh năm 1970 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 7, sinh năm 1974 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 8, sinh năm 1934 (đã chết vào tháng 12/2015)

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

4. *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của NCQLNVLQ 8:*

- Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1962 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Z, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- NCQLNVLQ 5, sinh năm 1977 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 6, sinh năm 1970 (vắng mặt)
- NCQLNVLQ 7, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình K trình bày:

Ngân hàng N Chi nhánh Phước Long có cho bà Nguyễn Thị Tuyết T vay vốn theo Hợp đồng tín dụng ký số 5605 – LAV - 201301754 ngày 29/5/2013; cụ thể:

Số tiền vay (vốn gốc): 300.000.000đ (bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất: 11,5%/năm; Lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng N tỉnh Bình Phước tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của N; Lãi suất quá hạn 17.25%/năm.

Thời hạn vay: từ ngày 29/5/2013 đến ngày 14/5/2014

Mục đích vay: Kinh doanh nông sản.

Hình thức bảo đảm nợ vay:

1. Thế chấp Quyền sử dụng đất (sau đây được viết tắt là QSDĐ) số Y339540 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/5/2004 với diện tích 216m² cho NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1 theo hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 và toàn bộ tài sản trên đất.

2. Thế chấp QSDĐ số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2011 với diện tích 230.2m² cho hộ NCQLNVLQ 8 theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130.

Tính đến ngày 10/8/2017, bà Nguyễn Thị Tuyết T còn nợ Ngân hàng N - chi nhánh P số tiền:

Nợ gốc: 300.000.000đ

Lãi trong hạn: 34.500.000đ

Lãi quá hạn: 165.600.000đ

Tổng cộng gốc và lãi: 500.100.000đ

Do đã đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Nguyễn Thị Tuyết T không trả được nợ, Ngân hàng đã yêu cầu trả nợ nhưng bà T không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T trả nợ tổng số tiền là 500.100.000đ bao gồm gốc và lãi .

Trong trường hợp bà T không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là các thửa đất đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 và toàn bộ tài sản trên đất.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết nợ của bà T tại Ngân hàng thì bà T phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bà T còn phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NCQLNVLQ 1, NCQLNVLQ 2, NCQLNVLQ 3, NCQLNVLQ 4, NCQLNVLQ 5, NCQLNVLQ 6, NCQLNVLQ 7, NCQLNVLQ 8, và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của NCQLNVLQ 8: Ông Nguyễn Đình B, NCQLNVLQ 2, NCQLNVLQ 5, NCQLNVLQ 6, NCQLNVLQ 7 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai của bị đơn (thể hiện tại bút lục 77), các bản tự khai, văn bản ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (thể hiện tại các bút lục 51, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 78, 112, 113, 114) họ đều thống nhất là đồng ý với lời trình bày cũng như yêu cầu của Ngân hàng. Riêng đối với NCQLNVLQ 1 thì ông cho rằng ông không biết bà T vay tiền của Ngân hàng cũng như chữ ký trong Hợp đồng thế chấp là không phải của ông, ông yêu cầu Tòa án giám định chữ ký trong hợp đồng thế chấp (thể hiện tại bút lục 68), ông đã làm đơn yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay(thể hiện bút lục 72) và ông sẽ cho biết ý kiến của mình về việc bà T vay vốn cũng như yêu cầu của Ngân hàng vào buổi hòa giải lần sau, tuy nhiên tại các buổi hòa giải NCQLNVLQ 1 đều vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành vì lý do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện của bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan. HĐXX thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Ngân hàng N khởi kiện đối bà Nguyễn Thị Tuyết T có địa chỉ tại Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV – 201301754 ký ngày 29/5/2013 và các hợp đồng thế chấp 5605 – LAV – 20130 ký ngày 14/5/2013, Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam – Chi nhánh Phước Long ký kết với bà T được thực hiện vào ngày 29 tháng 5 năm 2013 và có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Khi hết thời hạn vay, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 08/10/2014, Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung vụ án:

Theo tài liệu các bên đương sự cung cấp có căn cứ xác định rằng: Vào ngày 29/5/2013, Ngân hàng N – Chi nhánh P và bà Nguyễn Thị Tuyết T đã ký kết 01 hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV - 201301754 có nội dung cụ thể như sau:

Ngân hàng N – chi nhánh P, tỉnh Bình Phước cho bà Nguyễn Thị Tuyết T vay số tiền: 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất: 11,5%/năm; Lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Bình Phước tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Ngân hàng N; Lãi suất quá hạn 17,25%/năm.

Thời hạn vay: từ ngày 29/5/2013 đến ngày 14/5/2014.

Mục đích vay: Kinh doanh nông sản.

Hình thức bảo đảm nợ vay:

-Thế chấp Quyền sử dụng đất (sau đây được viết tắt là QSDĐ) số Y39540 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/5/2004 với diện tích 216m² cho NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1 theo hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 và toàn bộ tài sản trên đất.

-Thế chấp QSDĐ số BD 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230,2m² cho hộ NCQLNVLQ 8 theo hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 và toàn bộ tài sản trên đất.

Xét Hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV - 201301754 ngày 29/5/2013 được ký kết giữa các bên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật về nội dung, mục đích, lãi

suất vay phù hợp quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã P đã giải ngân cho bà T số tiền 300.000.000đ, tuy nhiên đến thời điểm trả nợ gốc 300.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà T phải có trách nhiệm trả số tiền vay tạm tính đến ngày 10/8/2017, tổng cộng: 500.100.000đ (bao gồm tiền gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo quy định).

Xét các Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản trên đất:

1. Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh P và hộ NCQLNVLQ 8. Theo đó, hộ gia đình NCQLNVLQ 8 thế chấp Quyền sử dụng đất số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230.2m² để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà T vay 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV – 201301754 ngày 29/5/2013. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, hộ gia đình NCQLNVLQ 8 gồm có: NCQLNVLQ 8, NCQLNVLQ 5, NCQLNVLQ 6, NCQLNVLQ 7; những người có quyền, nghĩa vụ liên quan thừa nhận đều ký kết trong hợp đồng thế chấp, tự nguyện dùng QSD đất và tài sản trên đất thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền bà T vay. Hợp đồng thế chấp trên được ký kết giữa các bên là tự nguyện, nội dung, hình thức, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, NCQLNVLQ 8 đã chết vào tháng 12/2015, tuy nhiên tại bản tự khai (BL54) NCQLNVLQ 8 đã thừa nhận và đồng ý thực hiện đúng nghĩa vụ bảo đảm của mình theo đúng như hợp đồng đã ký kết. Khi NCQLNVLQ 8 chết không để lại di chúc, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đồng thừa kế là NCQLNVLQ 2, NCQLNVLQ 7, NCQLNVLQ 5, Ông B, NCQLNVLQ 6. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đều đồng ý dùng QSD đất số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230.2m² để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Vì vậy, cần xác định QSD đất số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230.2m² và tài sản trên đất là tài sản thế chấp dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bà T được xử lý theo quy định.

Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản trên đất số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 giữa ngân hàng N - Chi nhánh P với hộ NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1. Theo đó, hộ NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1 thế chấp QSD đất số Y39540 do UBND huyện P (cũ) cấp ngày 13/5/2004 với diện tích 216m² và toàn bộ tài sản trên đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà T vay 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV – 201301754 ngày 29/5/2013. Xét tại thời điểm thế chấp, hộ gia đình NCQLNVLQ 2 gồm có: NCQLNVLQ 1, NCQLNVLQ 2, NCQLNVLQ 3, NCQLNVLQ 4 đều ký vào hợp đồng thế chấp. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án những người này đều có bản tự khai (thể hiện tại các bút lục 51, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 78, 112, 113, 114) đều khẳng định hộ gia đình có ký kết hợp đồng thế chấp 5605 – LAV - 201301 ngày 14/5/2013 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Riêng

chỉ có NCQLNVLQ 1 không thừa nhận là đã ký kết vào hợp đồng thế chấp trên và cho rằng chữ ký trong hợp đồng thế chấp là không phải của ông, ông có yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay (BL: 72), tuy nhiên vào ngày 23/6/2016, Tòa án ra Thông báo số: 01/TB- TA về việc cung cấp chứng cứ và nộp tiền chi phí giám định chữ ký (thể hiện BL 92) đến NCQLNVLQ 1 trong thời hạn 15 ngày, nhưng hết thời hạn 15 ngày NCQLNVLQ 1 vẫn không thực hiện nội dung Thông báo trên xem như ông đã từ bỏ quyền và yêu cầu của mình về việc cung cấp chứng cứ cũng như giám định chữ ký trong hợp đồng thế chấp để chứng minh cho việc ông không thừa nhận là có ký vào hợp đồng bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bà T, do vậy ý kiến và yêu cầu của NCQLNVLQ 1 không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần xác định Hợp đồng thế chấp trên được ký kết giữa các bên là tự nguyện, nội dung, hình thức, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp, đúng quy định của pháp luật, Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của NH N đối với bà T là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận .

Chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000đ Nguyên đơn đã đóng, do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu số tiền thẩm định trên, do vậy Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn số tiền 3.000.000đ.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định.

Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do vậy được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 109; 154; 159; 305; 342; 343; 355; 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 219; Điều 238; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Thị Tuyết T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tại chi nhánh thị xã P Bình Phước số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trong hợp đồng tín dụng số 5605 – LVA – 201301754 ký ngày 29/5/2013 tạm tính đến ngày 10/8/2017 là: 500.100.000đ (Năm trăm triệu một trăm nghìn đồng), trong đó:

Nợ gốc: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn: 34.500.000đ (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Nợ lãi quá hạn: 165.600.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)

- Ngoài ra, Nguyễn Thị Tuyết T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV - 201301754 ký ngày 29/5/2013 kể từ ngày 11/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay vốn số 5605 – LAV - 201301754 ký ngày 29/5/2013 thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý 02 QSD đất thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 5605 – LAV – 20130 ngày 14/5/2013 để thi hành án. Các QSD đất và tài sản trên đất cụ thể là:

+ QSDĐ số Y39540 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/5/2004 với diện tích 216m² cho NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1 và tài sản trên đất, đất tọa lạc tại Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

+ QSDĐ số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230.2m² cho hộ NCQLNVLQ 8 và tài sản trên đất, đất tọa lạc tại Khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Số tiền thu được sau khi bán đấu giá tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV - 201301754 ký ngày 29/5/2013 thì bà T có trách nhiệm tiếp tục trả nợ, trường hợp còn thừa thì phải trả lại cho các thành viên hộ gia đình NCQLNVLQ 8, NCQLNVLQ 2 bao gồm: NCQLNVLQ 5, Ông B, NCQLNVLQ 6, NCQLNVLQ 7, NCQLNVLQ 2, NCQLNVLQ 3, NCQLNVLQ 4, NCQLNVLQ 1.

- Ngân hàng N – chi nhánh P có trách nhiệm giải chấp tài sản thế chấp là QSDĐ số Y39540 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/5/2004 với diện tích 216m² cho NCQLNVLQ 2 và NCQLNVLQ 1 và QSDĐ số BĐ 037985 do UBND huyện P (cũ) nay là thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/12/2014 với diện tích 230,2m² cho hộ NCQLNVLQ 8 khi bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

- Chi phí thẩm định: Bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N – chi nhánh Phước Long số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 24.004.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N – chi nhánh P số tiền tạm ứng án phí 8.868.968đ (Tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005005 ngày 30/12/2015 của Cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP; VKSND tỉnh BP;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THADS thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa